



FAMILY AND FRIENDS

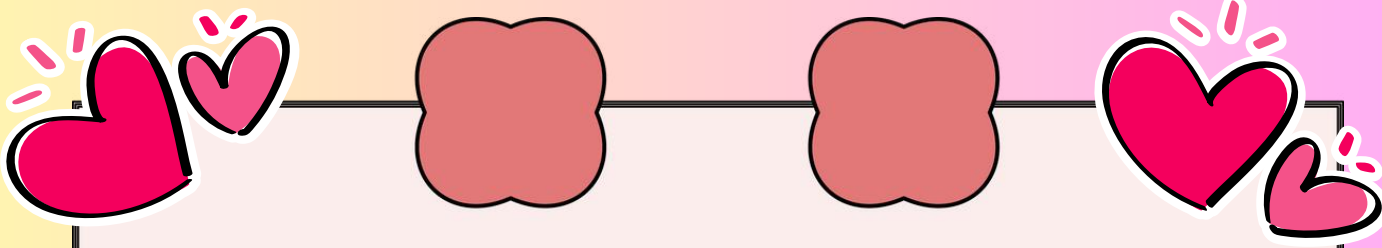
G4_NATIONAL EDITION

Handbook

Compiled by English Team



Ho Chi Minh City, 2025



*Gửi các bạn học sinh lớp 4
thân yêu!*

*Thầy cô hi vọng sổ tay điện tử
này sẽ giúp các con dễ dàng
hơn trong việc ôn tập các kiến
thức đã học!!!*

*Thương chúc các con luôn chăm
ngoan, học giỏi và ngày càng
đam mê, yêu thích học tiếng
Anh!*

English Team



HOW TO USE THIS HANDBOOK?



Bấm vào từng tên Unit ở phần mục lục để đến với bài mà các con muốn học.



Ở mỗi Unit, bấm vào từng nội dung mà các con cần ôn tập.



Bấm vào biểu tượng âm thanh bên cạnh để học từ vựng, ngữ pháp và ngữ âm.



HOW TO USE THIS HANDBOOK?



Làm bài quiz ôn tập.



Sau khi học xong mỗi Unit, nếu muốn quay trở lại phần mục lục thì bấm vào biểu tượng ngôi nhà.

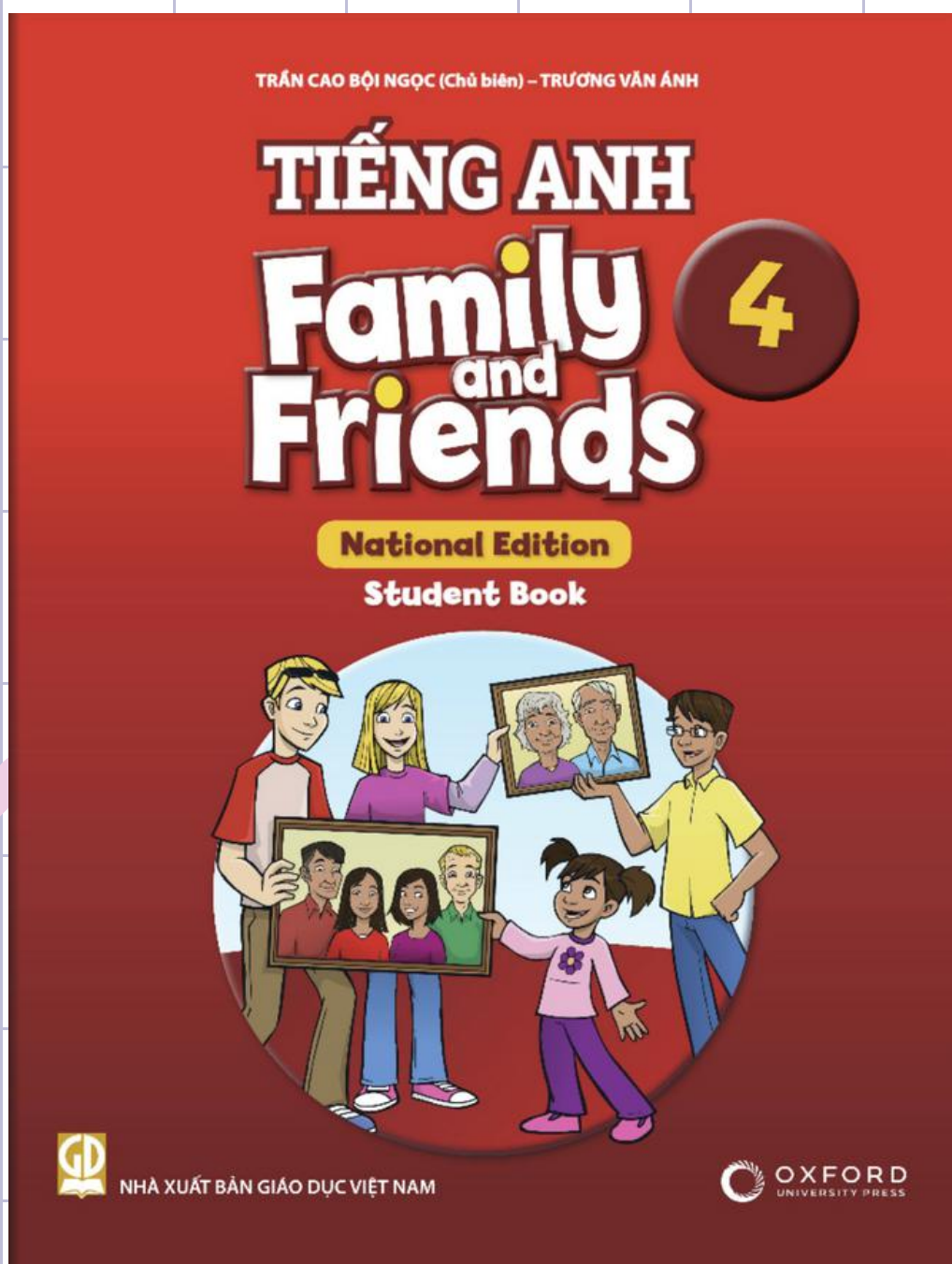


CHÚC CÁC CON HỌC TỐT!



HELLO!

THIS IS MY TEXTBOOK



Learning is the treasure that will follow its owner everywhere.



...

Table Of Contents

1

They're firefighters!

2

Does he work in a police station?

3

Would you like a bubble tea?

4

We have English!

5

We're having fun at the beach!

6

Funny monkeys!

7

It isn't cold today!

Table Of Contents

8

Let's buy presents!

9

What time is it?

10

Do they like fishing?

11

How do we get to the
hospital?

12

A smart baby!



Unit 1

THEY'RE FIREFIGHTERS

Topic: Jobs



Respect people who help us!

UNIT 1

CONTENTS

01

Song & Story

02

Words Zone

03

Grammar Box

04

Phonics Corner

05

Quiz

Click on the part you need to review



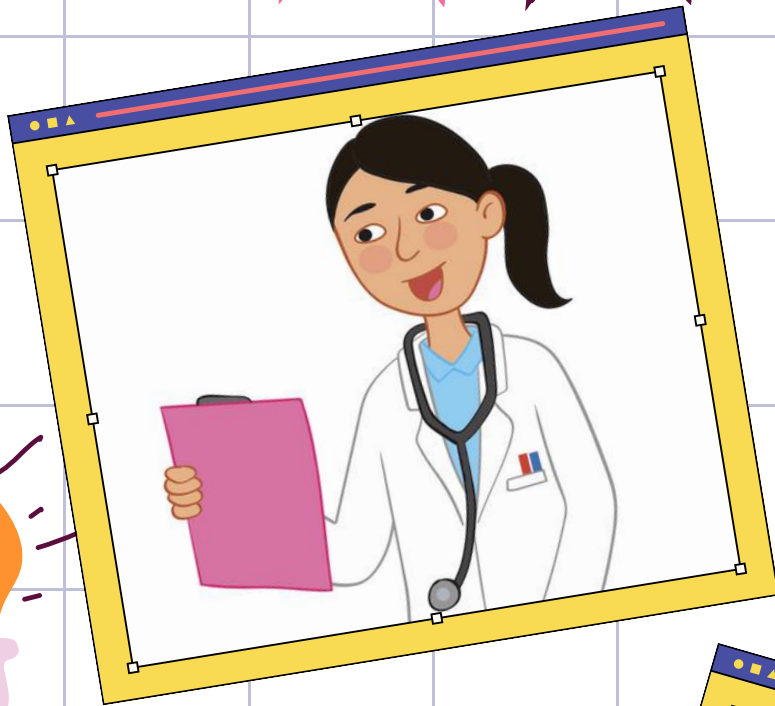
LET'S SING A SONG!



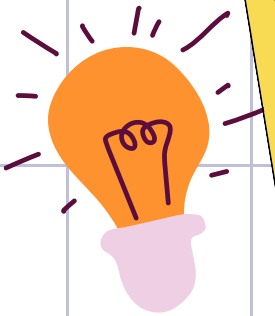
STORY TIME!



THEY'RE FIREFIGHTERS



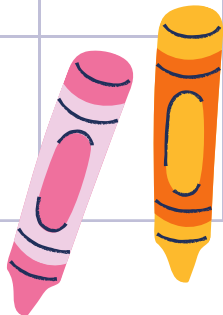
doctor



pilot

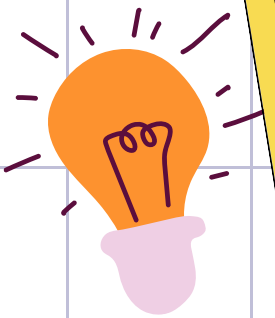


firefighter

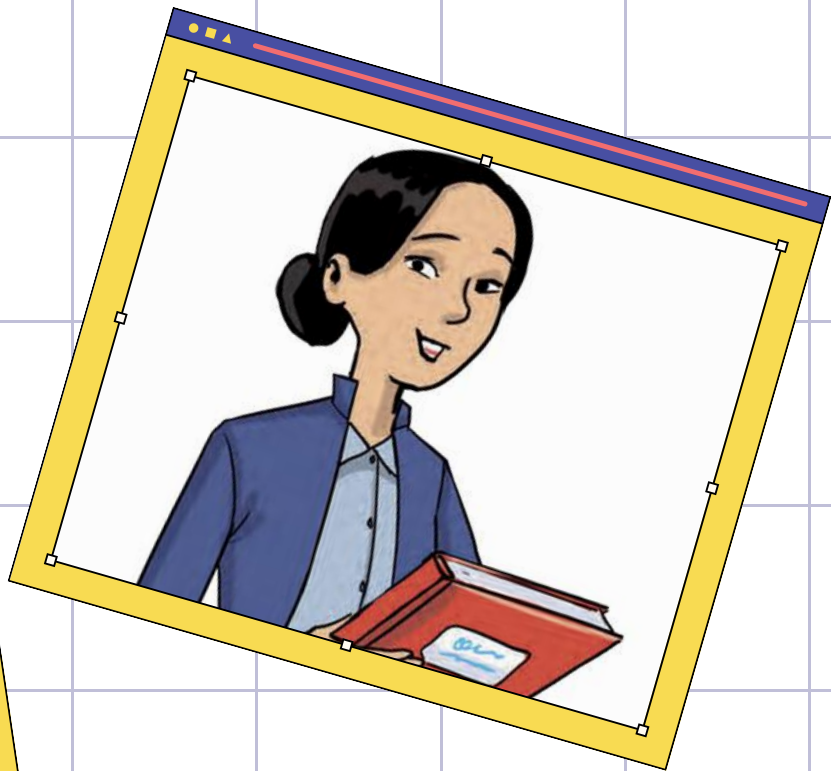




student



teacher



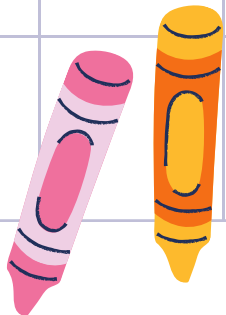
police officer





farmer

**office
worker**



GRAMMAR BOX



*They're +
nghề nghiệp*

Câu giới thiệu về nghề nghiệp:

- "We're [nghề nghiệp]." - "We're firefighters."
- "They're [nghề nghiệp]." - "They're doctors."

Câu miêu tả công việc:

- "We [động từ] [tên nghề]." - We fight fires.
- "They [động từ] [tên nghề]." - They help sick people.

EXAMPLES



**They're doctors.
They help sick people.**

**We're firefighters.
We fight fires.**



**They're teachers.
They teach students.**



PHONICS

Corner



doctor



pilot



firefighter



office worker



Listen and chant.



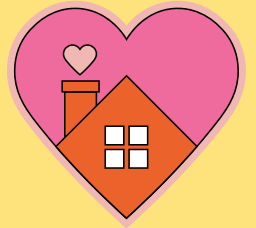
Doctors, teachers, office workers,

Working hard, every day.

Pilots, farmers, firefighters,

Help us all in many ways.





UNIT 2



DOES HE WORK IN
A POLICE STATION?

Topic: Places of work
All jobs are important!



UNIT 2

CONTENTS

01

Song & Story

02

Words Zone

03

Grammar Box

04

Phonics Corner

05

Quiz

Click on the part you need to review



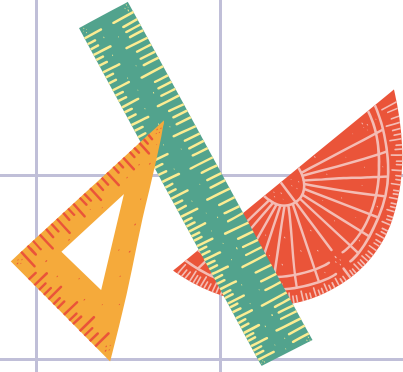
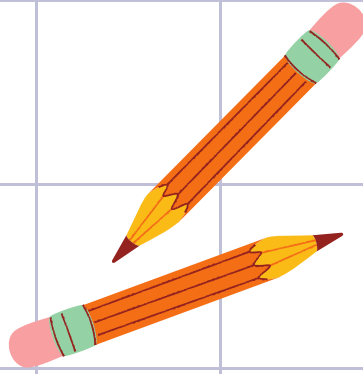
LET'S SING A SONG!



STORY TIME!



**DOES HE WORK IN A
POLICE STATION?**



hospital



airport

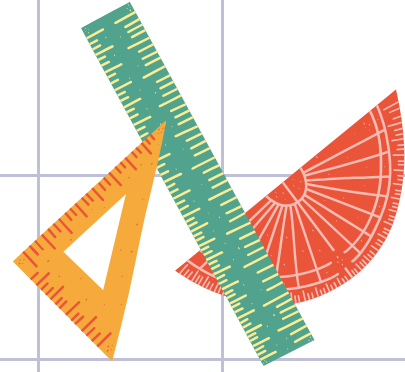
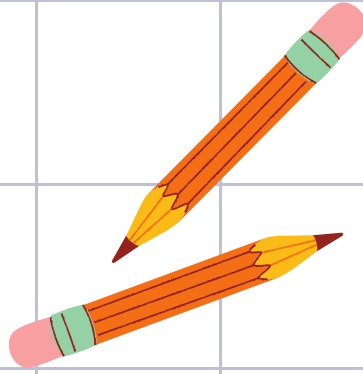


**police
station**



fire station

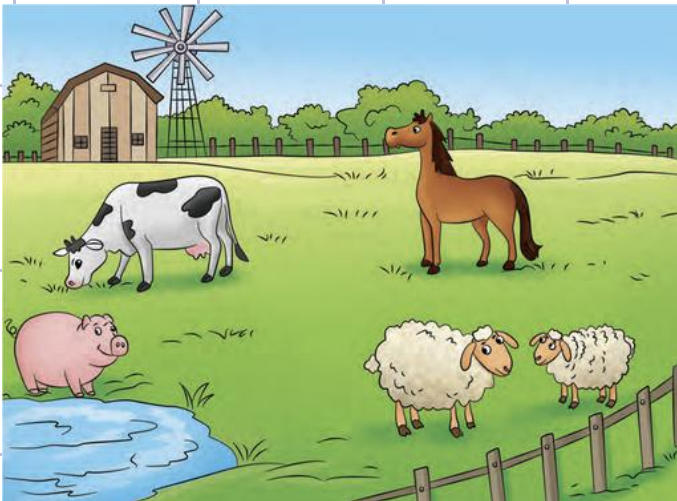




store



office



farm



bank



GRAMMAR BOX



PRESENT SIMPLE (Thì hiện tại đơn)

Trong bài học này, nội dung ngữ pháp tập trung vào việc sử dụng thì hiện tại đơn để miêu tả nơi làm việc của người khác, bao gồm các *câu khẳng định, phủ định, và câu hỏi*.

He **works in** a police station.
She **doesn't work in** a police station.

Does he **work in** a police station?
Yes, he **does**.

Does she **work in** an airport?
No, she **doesn't**.

EXAMPLES



Does she work in a hospital? Yes, she does.



Does he work in a bank? No, he doesn't.



He doesn't work in a supermarket.
He works in a fire station.

PHONICS Corner



n

nest



p

parrot



o

octopus



Listen and chant.



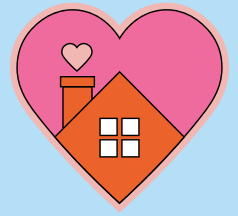
In the net, a purple plum,
And in the nest, an orange carrot.

No, that's not a purple plum,
And that's not an orange carrot.

That's a purple octopus,
And an orange parrot!



QUIZ TIME!!!



Unit 3

WOULD YOU LIKE A BUBBLE TEA?

Topic: FOOD

Always be polite!





UNIT 3

CONTENTS

01

Song & Story

02

Words Zone

03

Grammar Box

04

Phonics Corner

05

Quiz

Click on the part you need to review



LET'S SING A SONG!



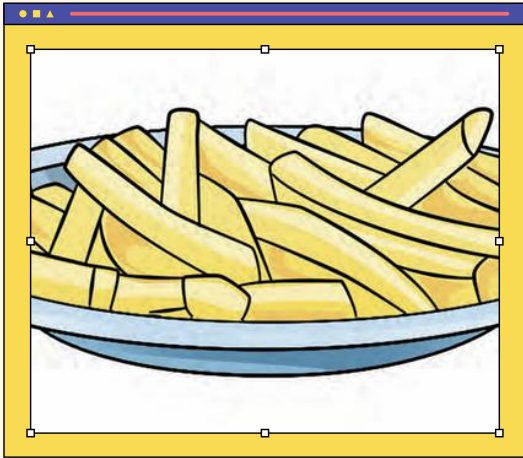
STORY TIME!



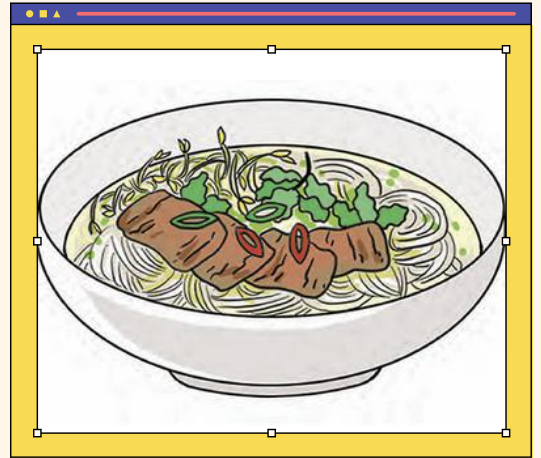
**WOULD YOU LIKE A
BUBBLE TEA?**



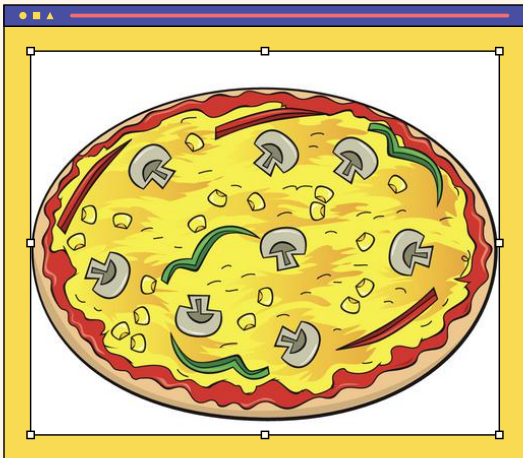
Food



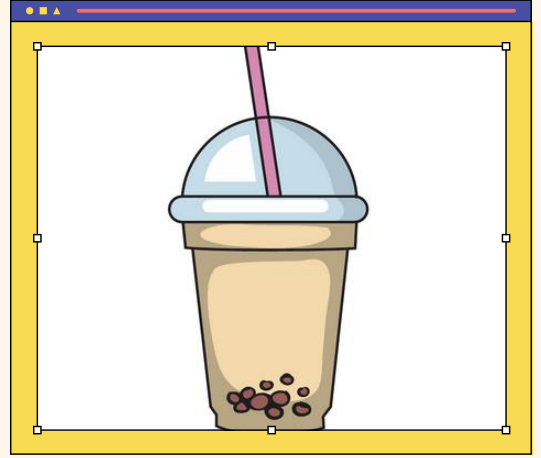
FRIES



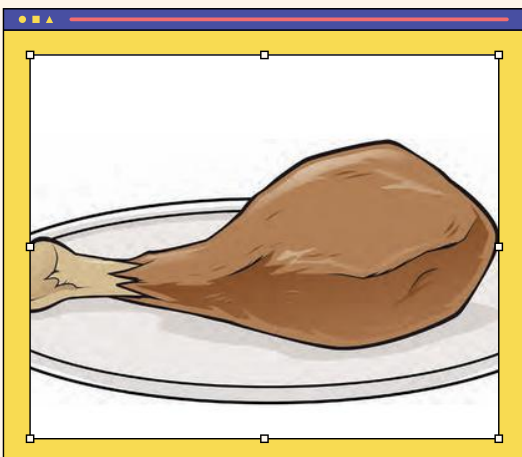
NOODLES



PIZZA



BUBBLE TEA



CHICKEN

GRAMMAR BOX



Would you like....?

Bài học này tập trung vào cách hỏi và trả lời về sở thích ăn uống của người khác, sử dụng cấu trúc câu với "would like" và "like".

Câu hỏi với "Would you like...?":

- Cấu trúc:
 - *Would you like + danh từ/đồ ăn/thức uống?*

Câu trả lời với "would like":

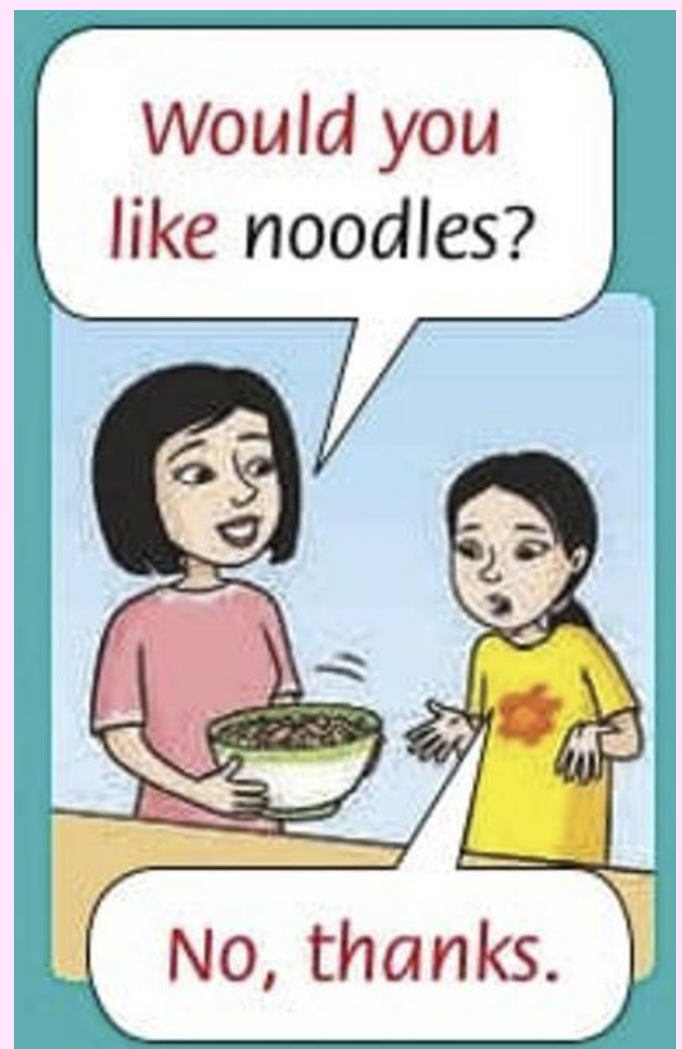
- Cấu trúc:
 - *Yes, please.*
 - *No, thanks.*
 - *I would like + danh từ/đồ ăn/thức uống, please.*

Câu hỏi và trả lời về sở thích với "like":

- Cấu trúc:
 - *What does + chủ ngữ (he/she) + like?*
 - *He/she + likes + danh từ/đồ ăn/thức uống.*

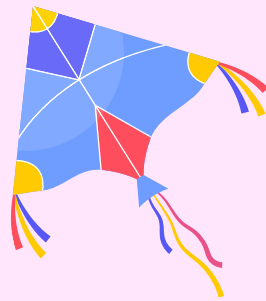


EXAMPLES





EXAMPLES



What does she like?
She **likes** bubble tea.
She **doesn't like** orange tea.

PHONICS Corner



q

queen



r

rabbit



s

sofa

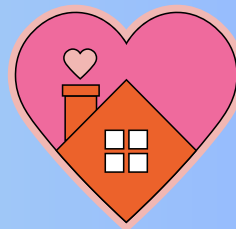


Listen and chant. 

The queen has a question,
About her lost socks.

The rabbit on the sofa says,
“They’re right here on these rocks!”







Unit 4



WE HAVE ENGLISH

*Topic: School subjects -
School rooms*



Share things!



family and friends



UNIT 4

CONTENTS

01

Song & Story

02

Words Zone

03

Grammar Box

04

Phonics Corner

05

Quiz

Click on the part you need to review

LET'S SING A SONG!



STORY TIME!



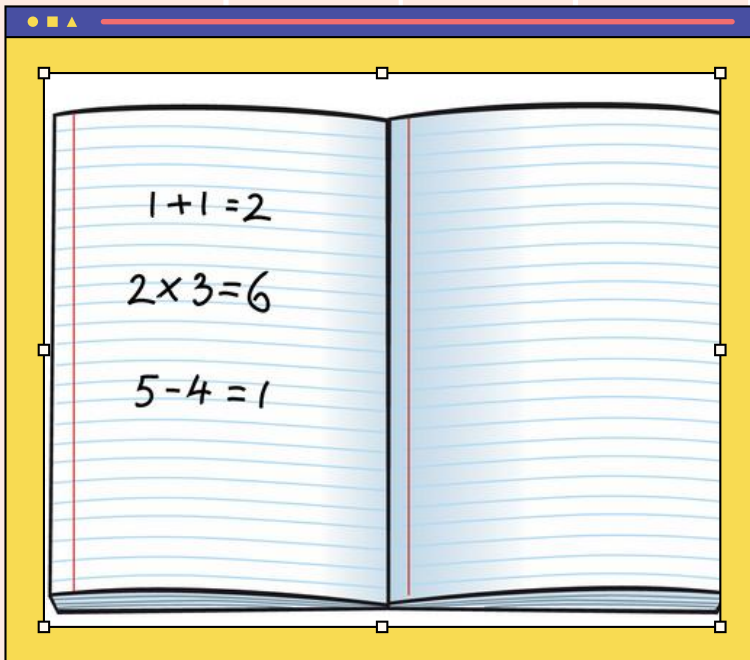
WE HAVE ENGLISH!



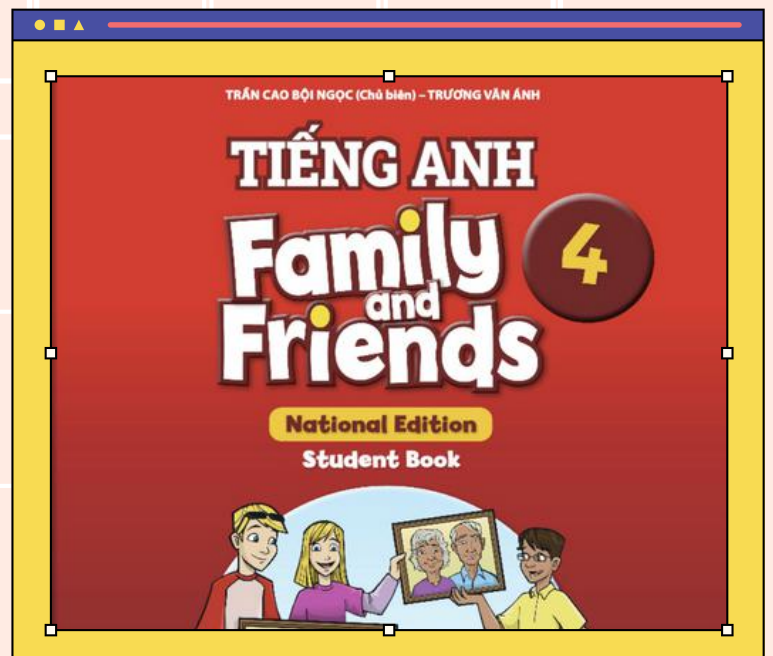
art



math

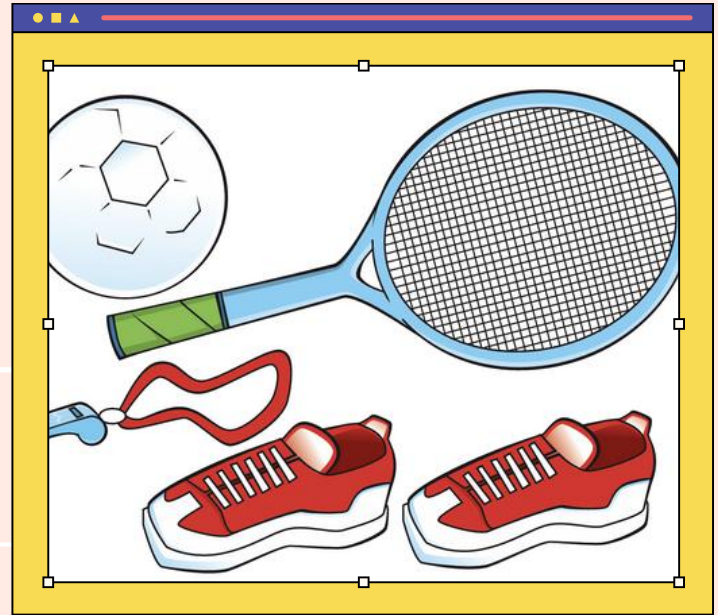


English





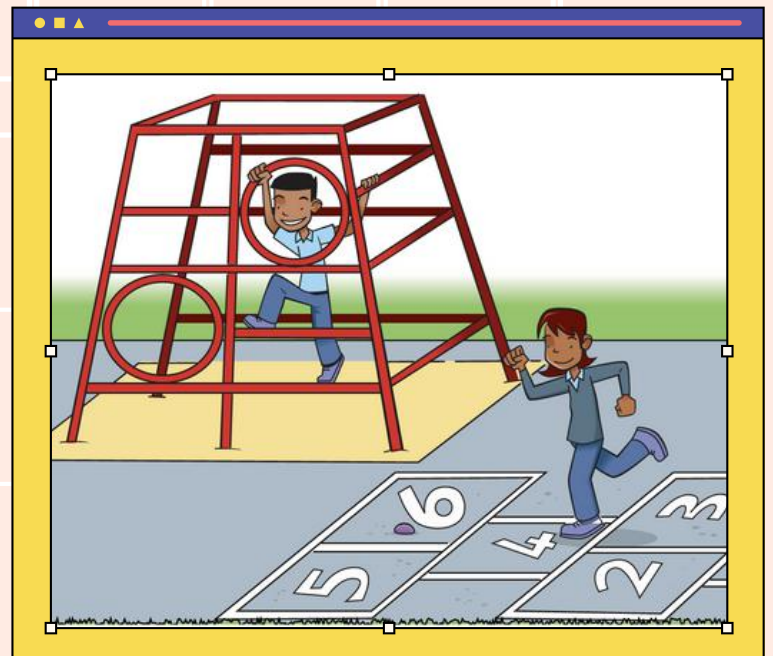
P.E



Vietnamese

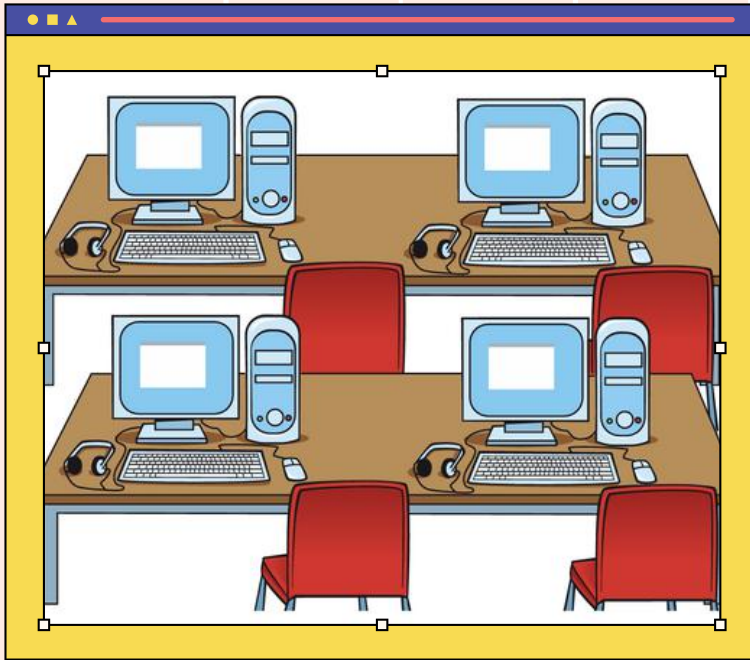
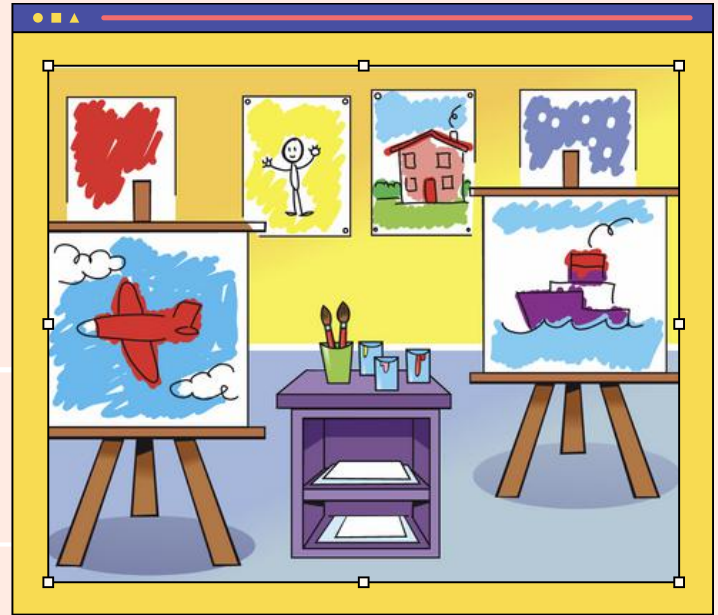


schoolyard





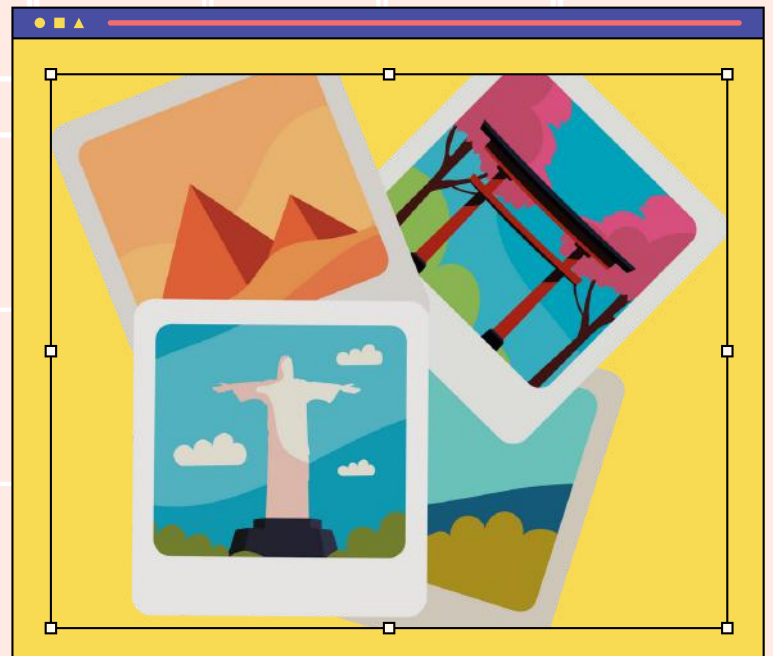
art room



*computer
room*



pictures



GRAMMAR BOX



What do we have on Mondays?

Trong bài học này, nội dung ngữ pháp tập trung vào việc sử dụng câu hỏi với "do" và "can" để hỏi về lịch trình và khả năng thực hiện hành động nào đó.

- Câu hỏi với "do" về lịch trình:

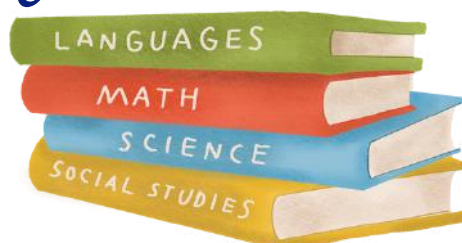
What do + (we/you) + have + thời gian (on Mondays)?

We/you + have + môn học + thời gian (on Mondays).

- Câu hỏi với "can" về khả năng thực hiện hành động:

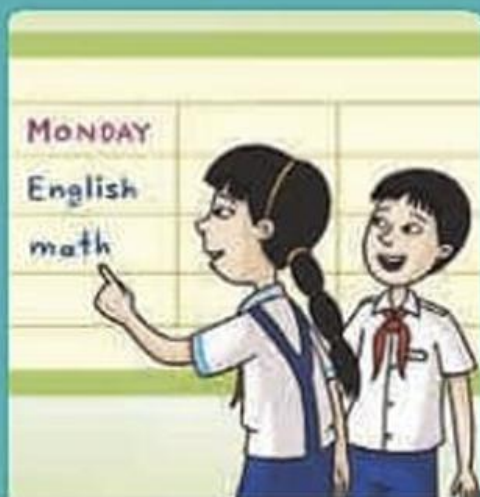
Can + (we/you) + (take) + tân ngữ (these bags)?

Yes, you can./ No, you can't.





EXAMPLES

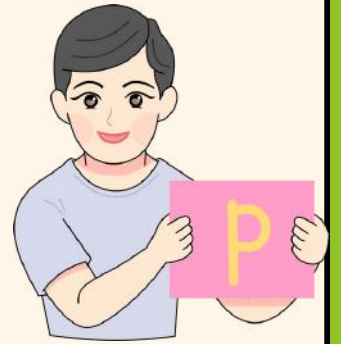


What do we have on Mondays?
We **have** English on Mondays.



Can we take these bags?
Yes, you can.
No, you can't.

PHONICS Corner



t

tiger



u

umbrella



v

van



Listen and chant.



The tiger gets in his van,
To visit the tall vet.
"Stay under your umbrella,
And then you won't get wet!"





GRADE 4



UNIT 5

WE'RE HAVING FUN AT THE BEACH!

TOPIC: BEACH ACTIVITIES

BE SAFE AT THE BEACH!

UNIT 5

CONTENTS

01

Song & Story

02

Words Zone

03

Grammar Box

04

Phonics Corner

05

Quiz

Click on the part you need to review



LET'S SING A SONG!



STORY TIME!



**WE'RE HAVING
FUN AT THE BEACH!**



BEACH ACTIVITIES

Lee



read



surf



play with a ball



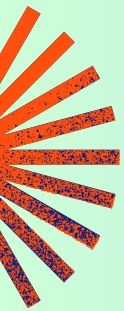
go on a boat



snorkel



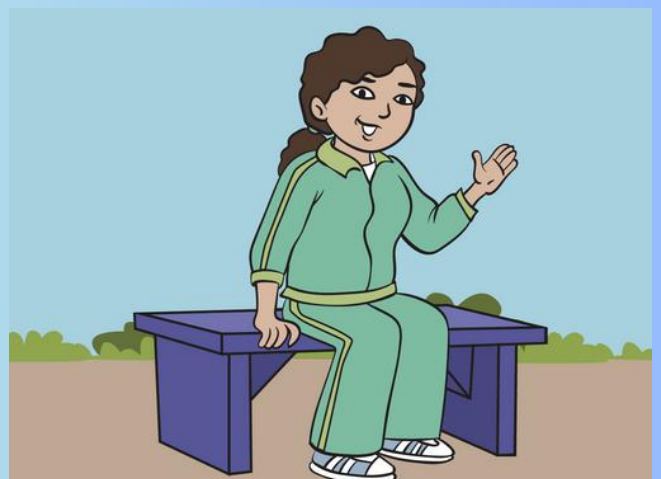
collect shells



running



swimming



sitting

GRAMMAR BOX



Present Continuous (Thì hiện tại tiếp diễn)

Trong bài học này, nội dung ngữ pháp tập trung vào **thì hiện tại tiếp diễn** để miêu tả các hành động đang diễn ra tại thời điểm nói, bao gồm các câu khẳng định, phủ định và câu hỏi.

Câu khẳng định:

- **I/he/she/we/they + am/is/are + V-ing**

Câu phủ định:

- **I/he/she/we/they + am/is/are + not + V-ing**

Câu hỏi:

- **Are/Is + you/they/he/she/it + V-ing + O?**



EXAMPLES



They're snorkeling.

She's collecting shells.



We're surfing.

PHONICS

Corner



x

box

fox

six



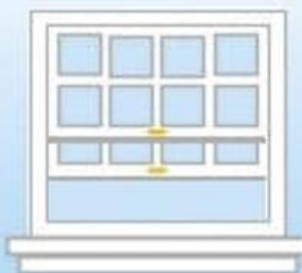
6

w

web

window

walk



Listen and chant. 

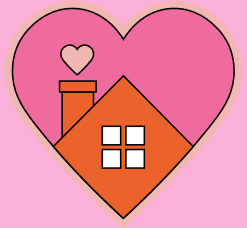
I can see a window.

I can see a box.

There's a web on the window.

There's a fox in the box.





Unit 6

FUNNY MONKEYS



Be kind to animals!



UNIT 6

CONTENTS

01

Song & Story

02

Words Zone

03

Grammar Box

04

Phonics Corner

05

Quiz

Click on the part you need to review



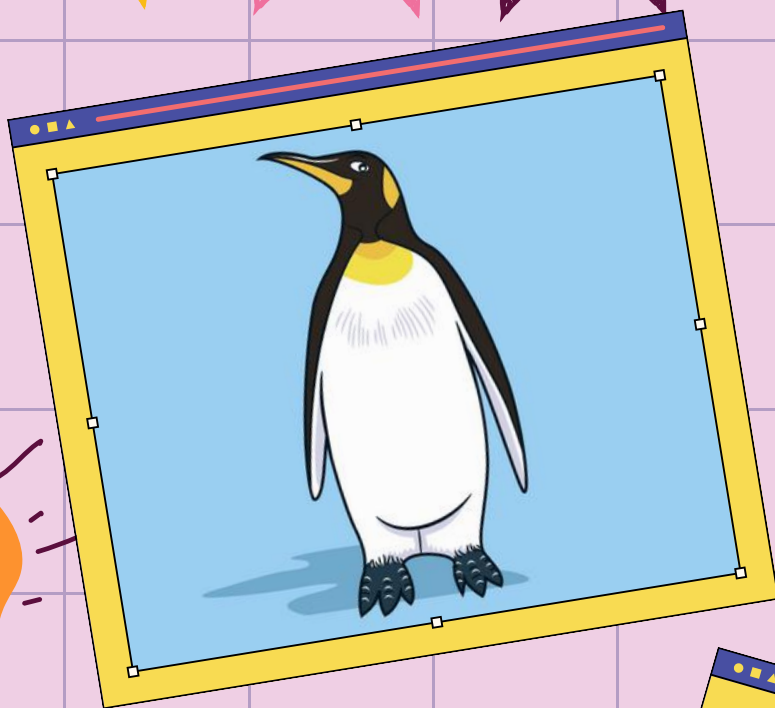
LET'S SING A SONG!



STORY TIME!

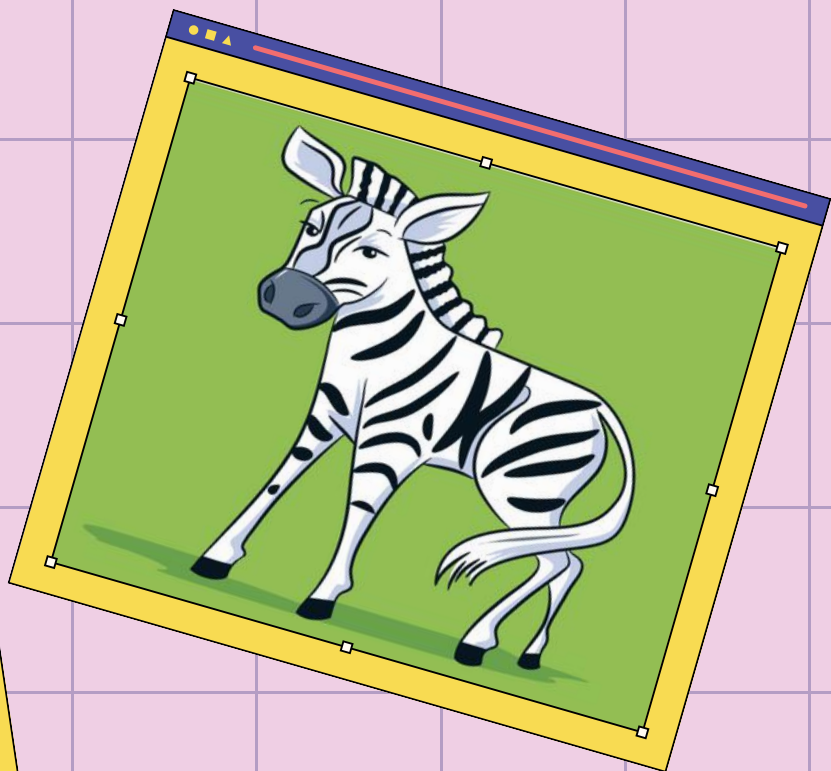


FUNNY MONKEYS

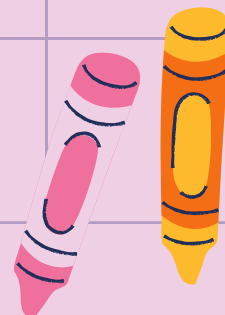
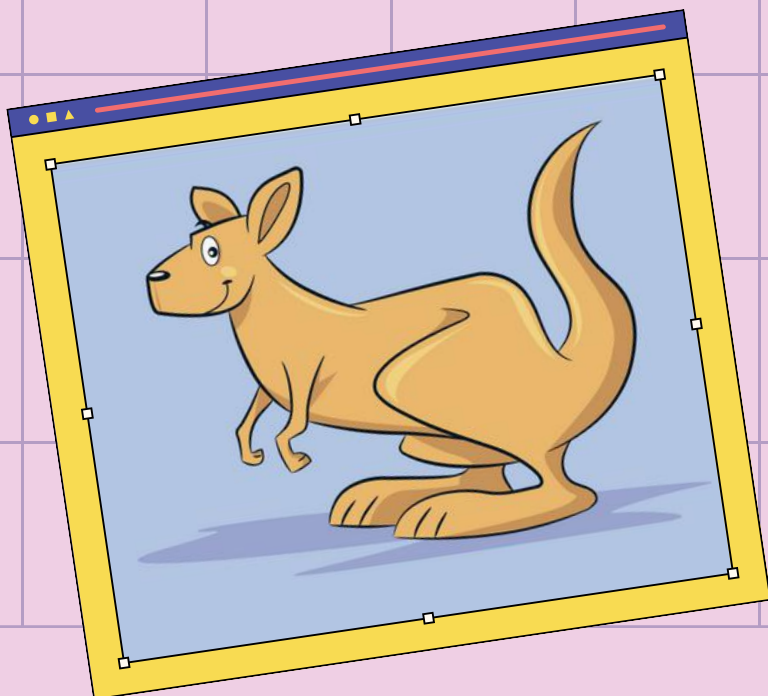


penguin

zebra

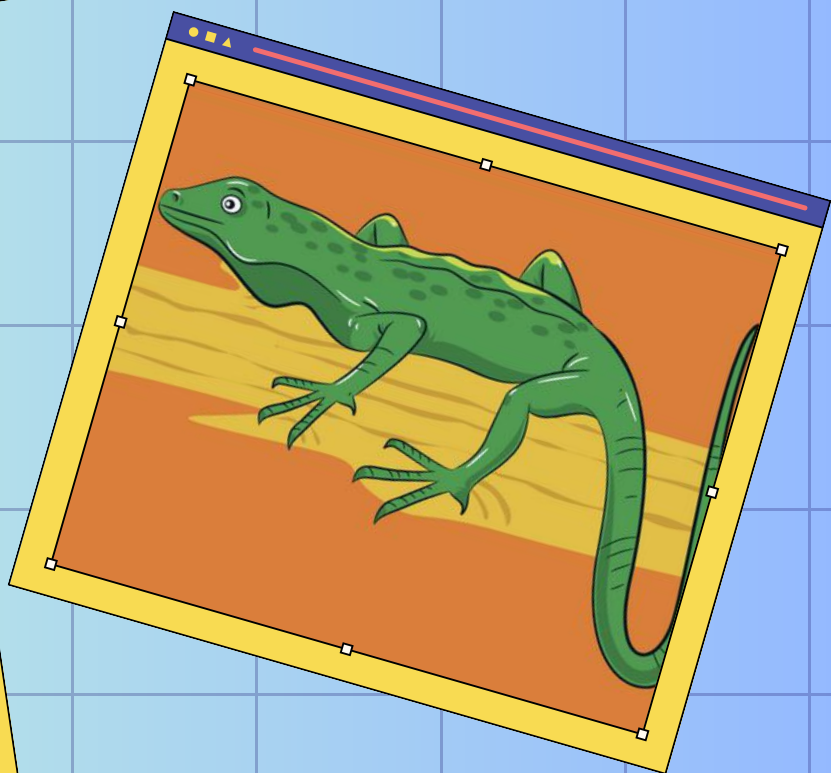
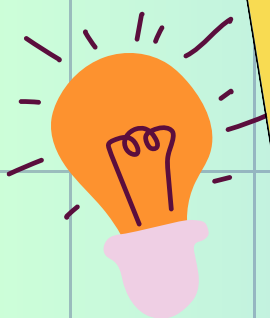


kangaroo

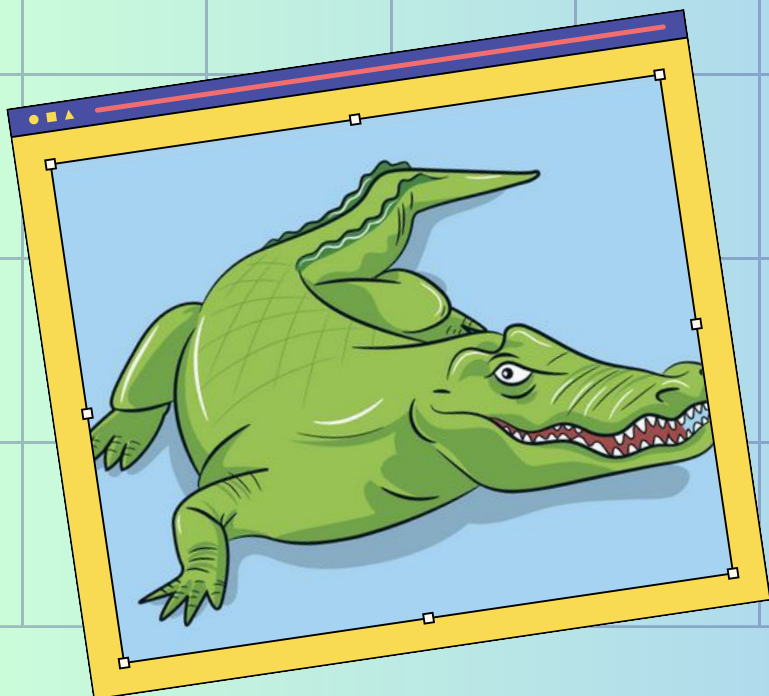




camel



lizard



crocodile





wear a hat

**write in a
notebook**



eat a sandwich

take a photo



GRAMMAR BOX



Present Continuous (Thì hiện tại tiếp diễn)

Trong bài học này, nội dung ngữ pháp tập trung vào thì hiện tại tiếp diễn để miêu tả các hành động đang diễn ra tại thời điểm nói, bao gồm các dạng câu hỏi.

Are you reading?

Yes, I **am**. / **No**, I'm not.

Is he sleeping?

Yes, he **is**. / **No**, he **isn't**.

What is she eating?

She's **eating** a sandwich.

What are they doing?

They're **watching** the monkeys.



EXAMPLES



**Is he reading?
No, he isn't.**

**Are they playing
chess?
Yes, they are.**



**Are they climbing
a tree?
No, they aren't.**

PHONICS Corner



y

yo-yo

yogurt

yellow

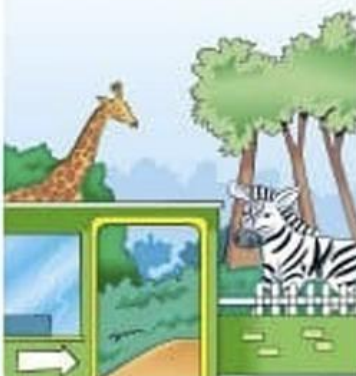


z

zebra

zoo

zero



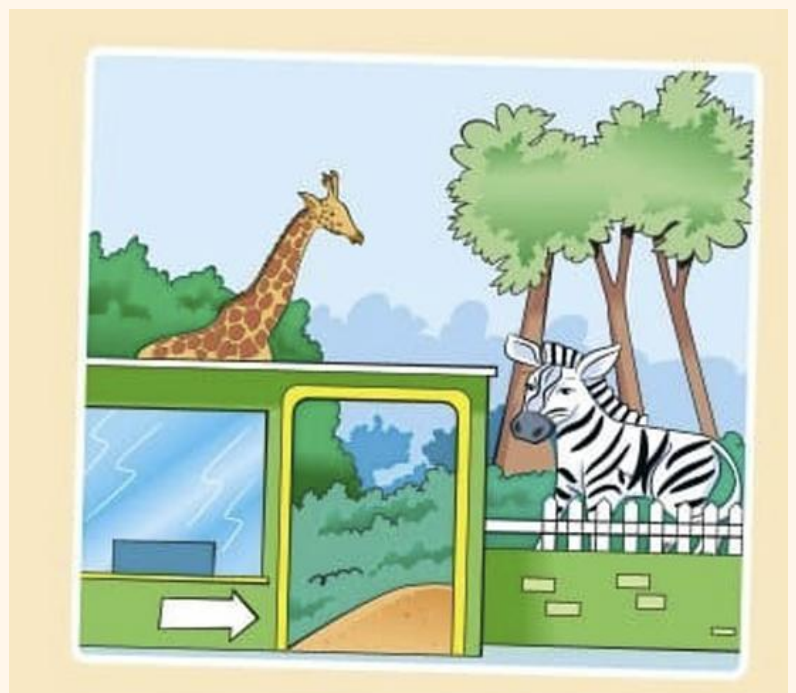
Listen and chant. 

I can see a yogurt.

I can see the zoo.

There's a yo-yo in the yogurt.

There's a zebra in the zoo.





GRADE 4



UNIT 7

IT ISN'T COLD TODAY!

**TOPIC: WEATHER –
WEATHER ACTIVITIES**

BE READY FOR DIFFERENT WEATHER!

UNIT 7

CONTENTS

01

Song & Story

02

Words Zone

03

Grammar Box

04

Phonics Corner

05

Quiz

Click on the part you need to review



LET'S SING A SONG!



STORY TIME!



IT ISN'T COLD TODAY!



WEATHER

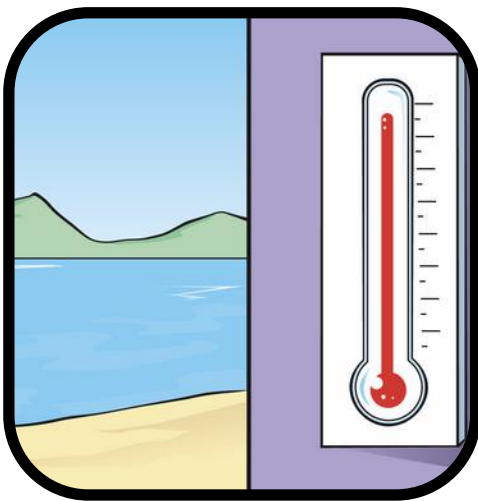
lee



rainy



windy



hot



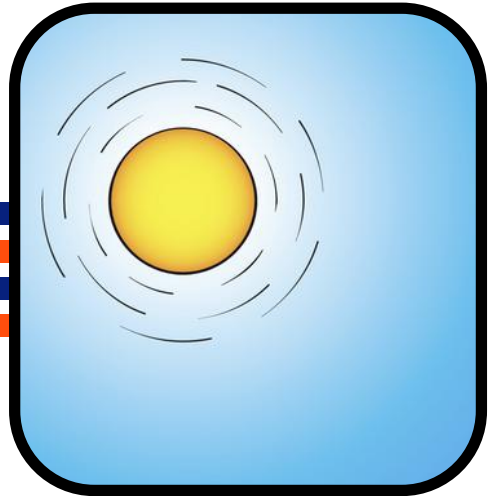
cold

WEATHER

see



snowy



sunny



fly a kite



make a snowman

go
outside



GRAMMAR BOX

Trong bài học này, nội dung ngữ pháp tập trung vào việc miêu tả thời tiết và đưa ra lý do cho các hành động dựa trên thời tiết. Bài học bao gồm các câu hỏi về thời tiết và các câu mệnh lệnh kèm lý do.



What's the weather like?
It's windy.



Don't put on your coat.
Why?
Because it's hot.
Don't put on your coat
because it's hot.



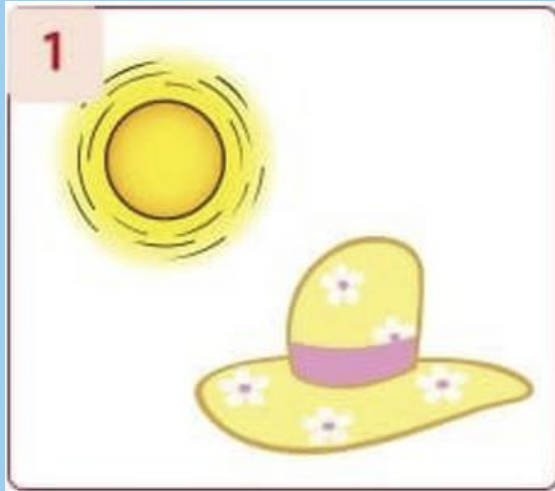
Wear a sun hat.
Why?
Because it's sunny.
Wear a sun hat
because it's sunny.



Let's go home.
Why?
Because it's rainy.
Let's go home
because it's rainy.



EXAMPLES



Wear a hat **because** it's sunny.

Bring some water **because** it's hot.



Don't open the window **because** it's rainy.

PHONICS Corner



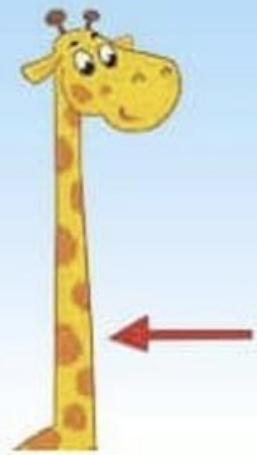
ring



bang



long



treasure



measure

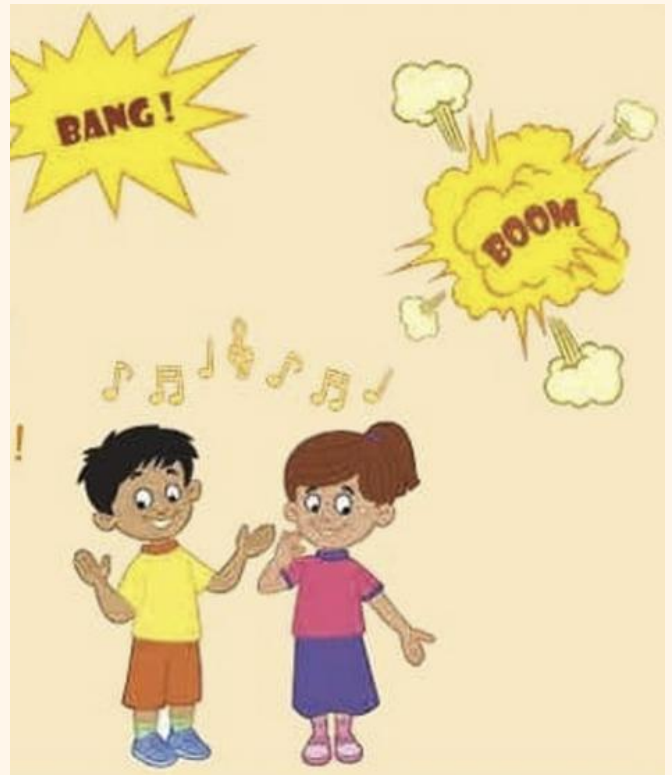
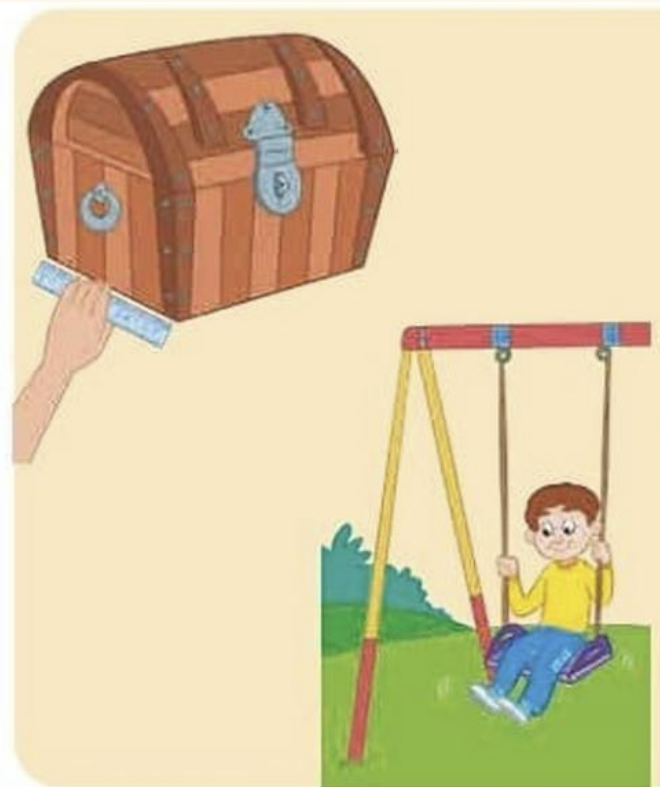


explosion



Listen and chant. 

Can you measure all this treasure?
Can you swing and are you strong?
Can you shout "bang"? Big explosion!
Can you sing a funny song?





QUIZ

TIME

GRADE 4

Unit 8

LET'S BUY PRESENTS!



Topic: Special days

Be good at the party!



UNIT 8

CONTENTS

01

[Song & Story](#)

02

[Words Zone](#)

03

[Grammar Box](#)

04

[Phonics Corner](#)

05

[Quiz](#)

Click on the part you need to review



LET'S SING A SONG!



STORY TIME!



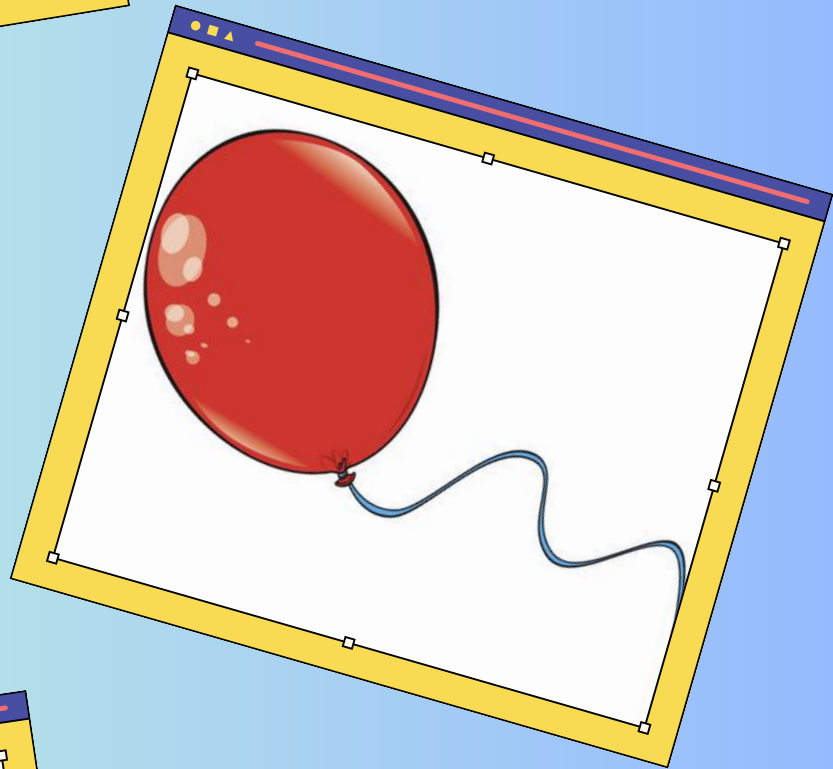
LET'S BUY PRESENTS!



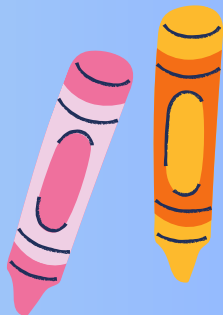
candy



balloon



present





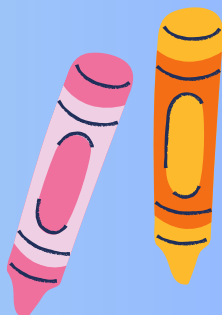
candle



neighbor



invite





gift card



chocolate



GRAMMAR BOX



like/don't like

Trong bài học này, nội dung ngữ pháp tập trung vào việc hỏi và trả lời về sở thích của người khác, sử dụng động từ "like" và "don't like" trong câu khẳng định, phủ định và câu hỏi.

Câu khẳng định:

- Chủ ngữ (we/they/he) + like(s) + tân ngữ.

Câu phủ định:

- Chủ ngữ (we/they/he) + don't/doesn't like + tân ngữ.

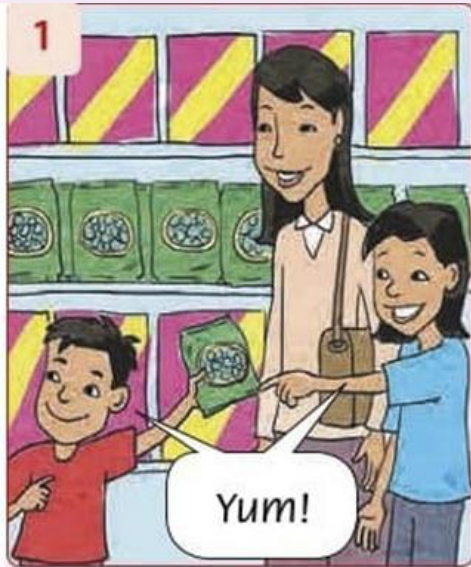
Câu hỏi Yes/ No:

- Do/Does + chủ ngữ (they/he/she) + like + tân ngữ?
- Yes, + chủ ngữ + do/does.
- No, + chủ ngữ + don't/doesn't.

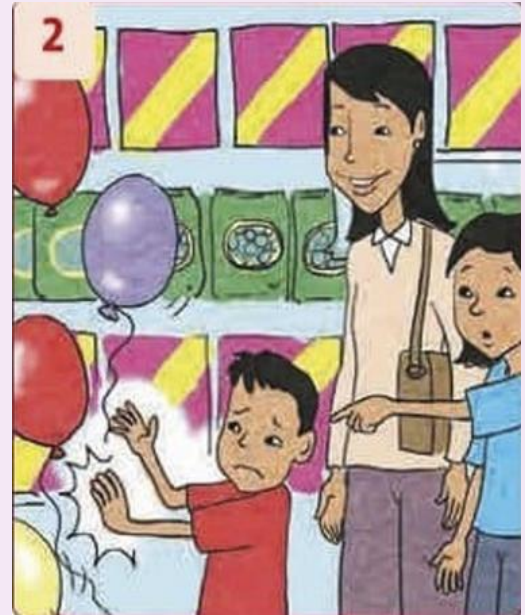
Câu hỏi "What do they like?"

- What + do/does + chủ ngữ (they/he/she) + like?
- Chủ ngữ (they/he/she) + like(s) + tân ngữ.

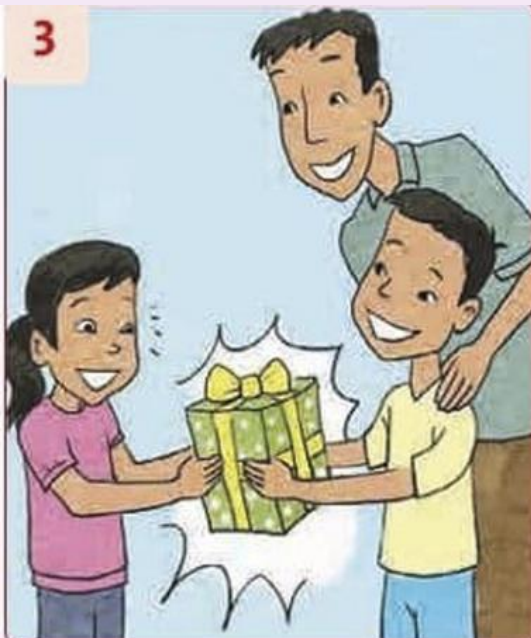
EXAMPLES



**Do they like candies?
Yes, they do.**



**Do they like balloons?
No, they don't.**



**What do they like?
They like presents.**

PHONICS Corner



father



brother



this



that



three



throw



Listen and chant. 

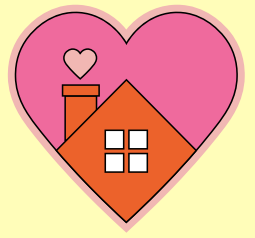
There are three people in this picture.

Who is this and who is that?

He's my father, she's my mother.

He's my brother, that's the cat.





UNIT 9

What time is it?



Topic: Time/ Everyday activities

UNIT 9

CONTENTS

01

Song & Story

02

Words Zone

03

Grammar Box

04

Phonics Corner

05

Quiz

Click on the part you need to review



LET'S SING A SONG!



STORY TIME!



WHAT TIME IS IT?



get up



have breakfast



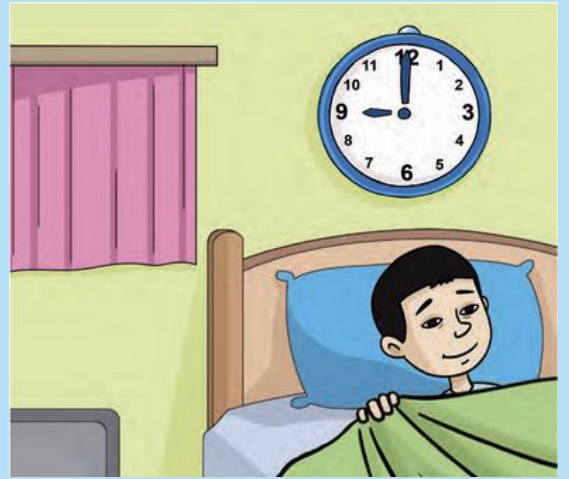
go to school



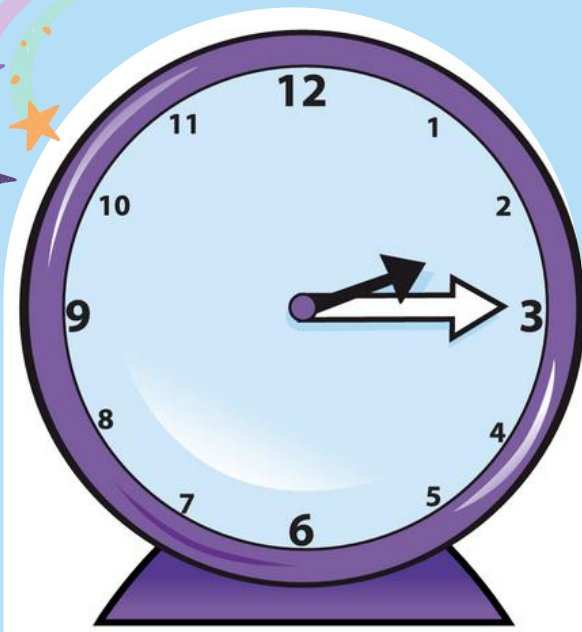
go home



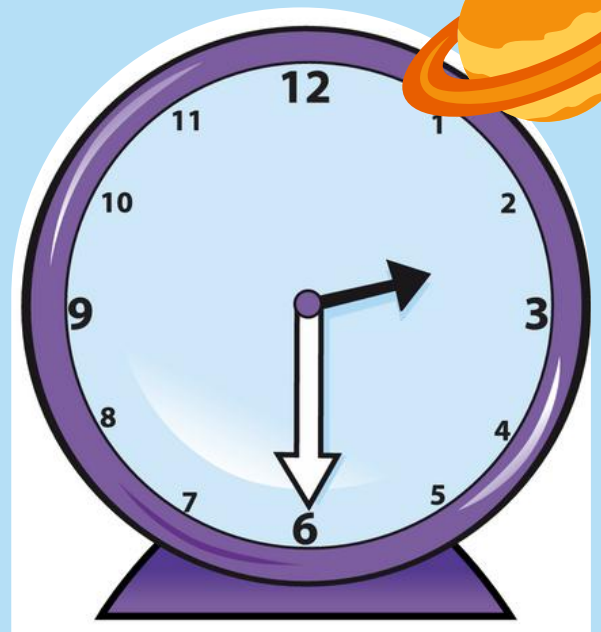
have dinner



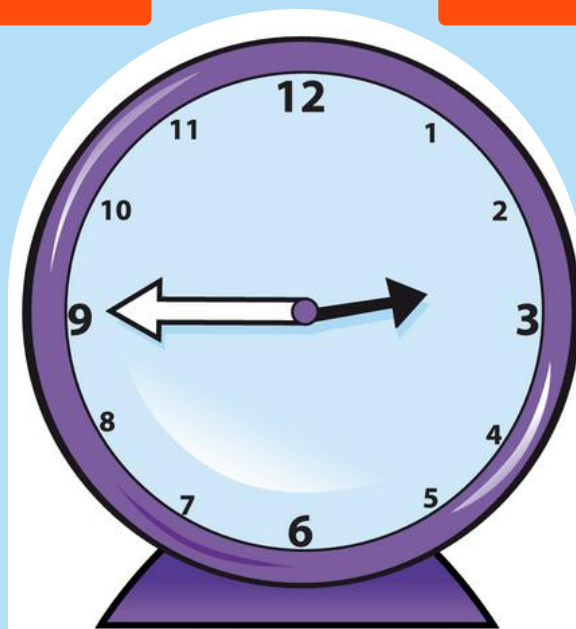
go to bed



two fifteen



two thirty



two
forty-five

GRAMMAR BOX

What time...?

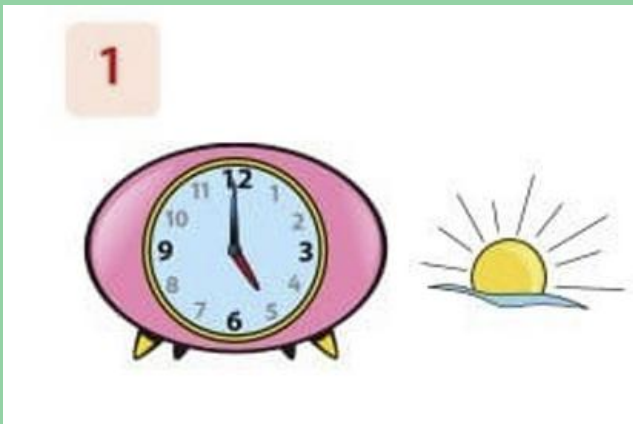
Trong bài học này, nội dung ngữ pháp tập trung vào việc hỏi và trả lời về thời gian thực hiện các hoạt động hàng ngày. Bài học bao gồm các câu hỏi và câu trả lời về thời gian, sử dụng cấu trúc "What time" và giới từ "at".

- *What time is it? It's + thời gian.*
- *What time + do/does + chủ ngữ + động từ?*

Chủ ngữ + động từ + at + thời gian.



EXAMPLES



**What time is it?
It's 5 o'clock in the
morning.**

**He has breakfast
at 7 o'clock.**



**They go to school
at 8 o'clock.**

PHONICS Corner



u_e

flute



ou

you



oo

foot



ew

new



Listen and chant.



Look! It's June and
It's my birthday!

I have a few books and
A new flute.

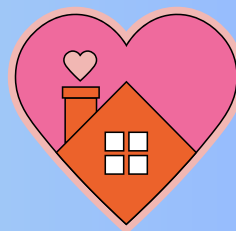
Would you like to come
To my party?

There's cake, balloons,
And a lot of fruit!





QUIZ!





Unit 10

DO THEY LIKE FISHING?



Play nicely!

Topic: Hobbies

A stylized illustration of a woman with long dark hair, wearing a pink top and a yellow necklace, sitting and reading a large open book. The background is a mix of green and blue abstract shapes.

UNIT 10

CONTENTS

01

Song & Story

02

Words Zone

03

Grammar Box

04

Phonics Corner

05

Quiz

Click on the part you need to review



LET'S SING A SONG!



STORY TIME!

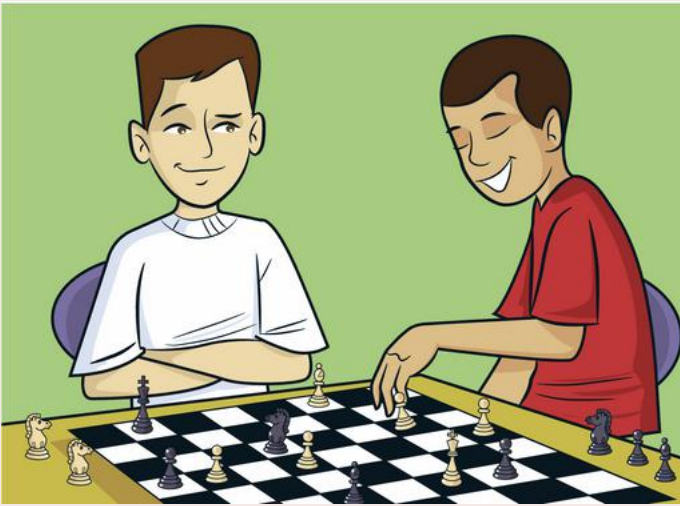


DO THEY LIKE FISHING?

read comics



play chess



fish



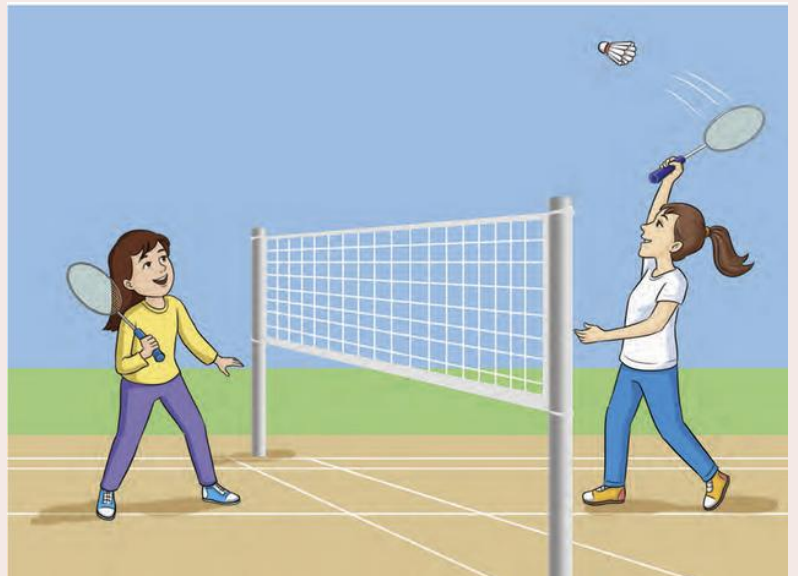
play
basketball



play
volleyball



play
badminton



GRAMMAR BOX



Present Simple (Thì hiện tại đơn)

Trong bài học này, nội dung ngữ pháp tập trung vào việc sử dụng thì hiện tại đơn để miêu tả sở thích của người khác, bao gồm các *câu khẳng định, phủ định, và câu hỏi*.

Let's learn!

He **likes** reading **comics**.

They **like** playing **basketball**.

Do you **like** playing **chess**?

Does he **like** playing **chess**?

Do they **like** playing **badminton**?

He **doesn't like** fishing.

They **don't like** fishing.

Yes, I do.

No, he doesn't.

Yes, they do.

We like playing chess, **but** we don't like playing volleyball.

I like fishing. Do you like fishing?



No, I don't.



EXAMPLES



Does he like playing chess?
Yes, he does.



Do they like playing badminton?
Yes, they do.



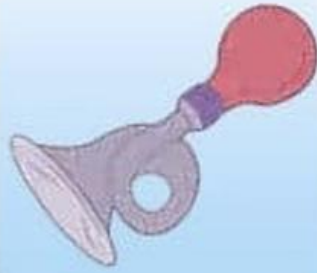
Do you like fishing?
Yes, we do.

PHONICS Corner



or

horn



corn



storm



ar

car



farm



star



Listen and chant.

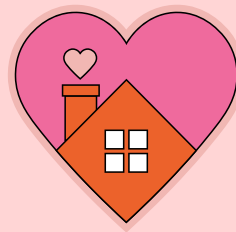


We're in the car,
After playing in the park.

I have a short scarf.
I have a toy shark.

Here comes a storm.
It's getting dark.

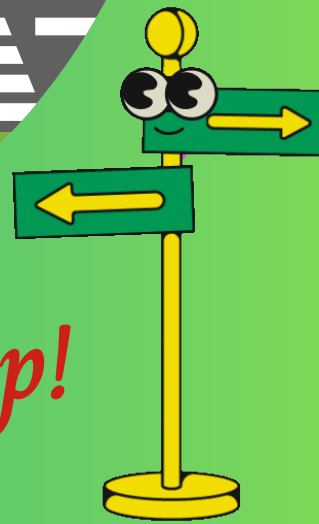




UNIT 11

How do we get to
the hospital?

Topic: Directions/ Places



Look carefully at the map!

UNIT 11

CONTENTS

01

Song & Story

02

Words Zone

03

Grammar Box

04

Phonics Corner

05

Quiz

Click on the part you need to review



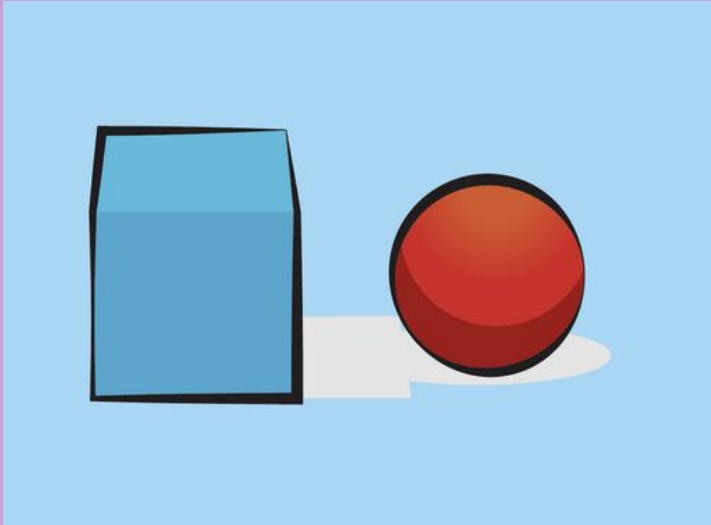
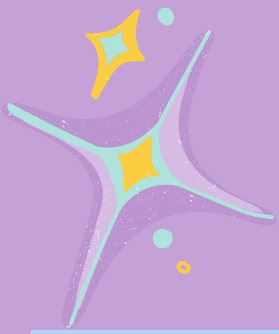
LET'S SING A SONG!



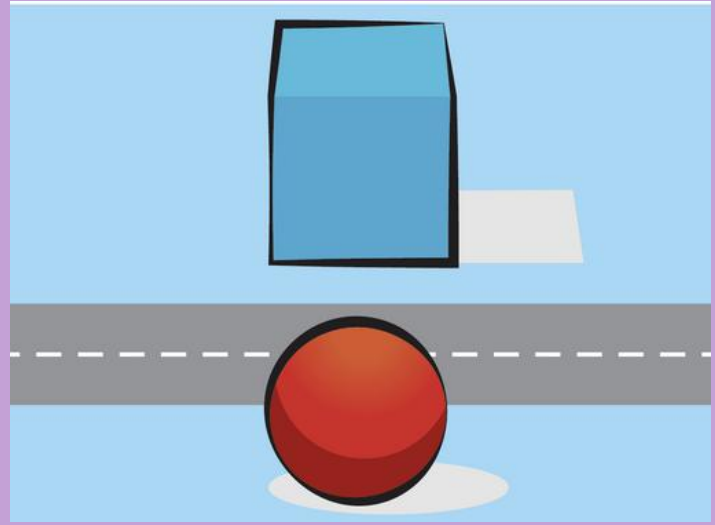
STORY TIME!



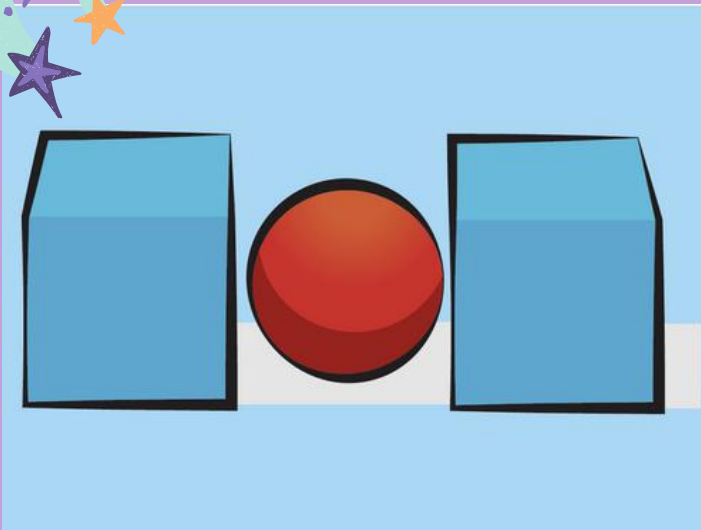
**HOW DO WE GET TO
THE HOSPITAL?**



next to



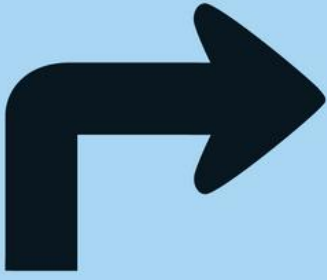
opposite



between



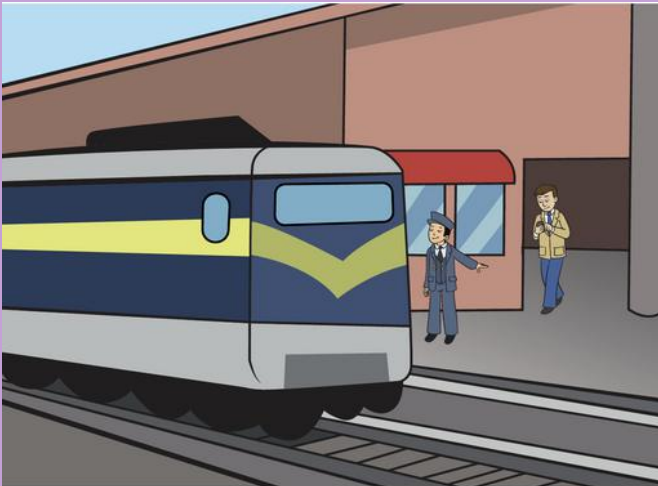
turn left



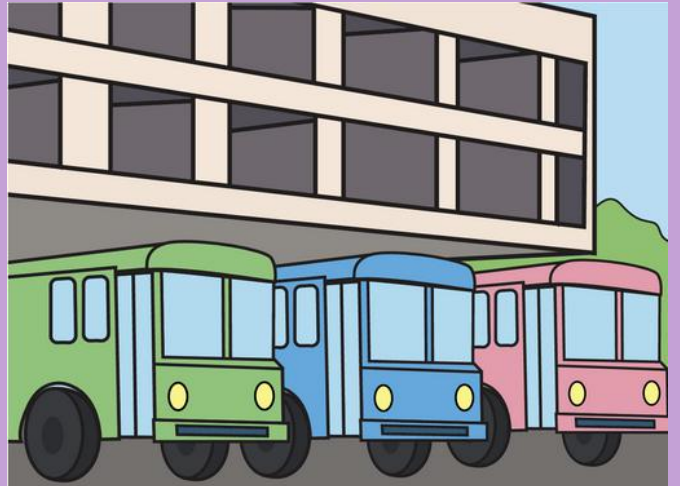
turn right



go straight



train station



bus station



supermarket

GRAMMAR BOX



How do we get to...?

Trong bài học này, nội dung ngữ pháp tập trung vào cách đưa ra và hiểu chỉ dẫn đường đi, sử dụng các từ chỉ vị trí và hướng đi.

How do we get to the hospital?

Turn left. ↶ Go straight at the traffic lights. ↑

Turn right here. ↷

It's opposite the school. ■ || ●

It's between the book store and the library. ■ ● ■

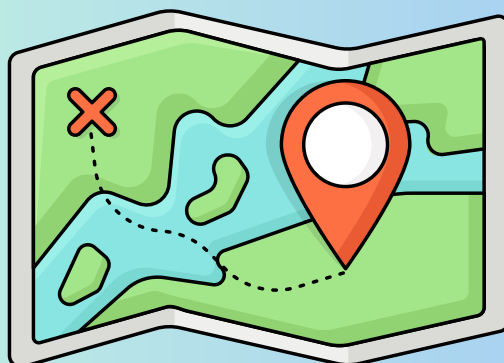
It's next to the library. ■ ●



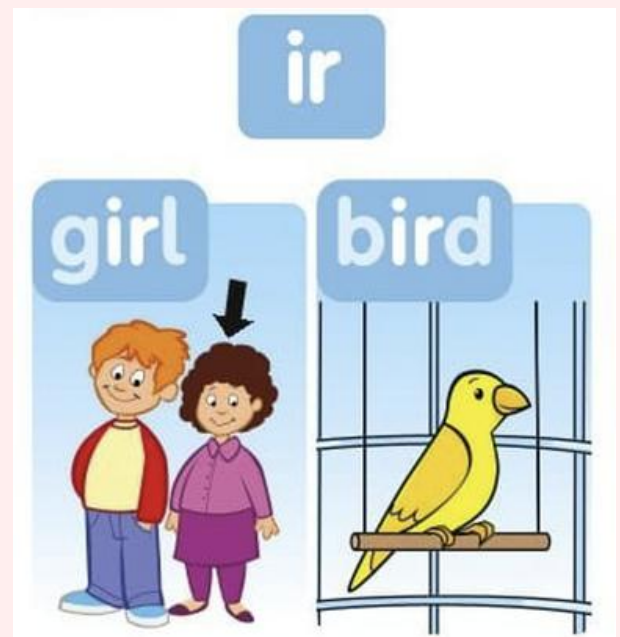
EXAMPLES



1. Go straight.
2. Turn left at the traffic lights.
3. Now you are in front of the school.
4. Turn right and go straight.
5. It's next to the river.



PHONICS Corner



Listen and chant.



The girl hurts her finger.
She goes to the nurse.
The nurse gets some band aids
From her very big purse.

Here is a talking bird.
It's perching in a fern.
"Be careful, little girl.
You don't want germs!"





QUIZ TIME!!!



UNIT 12

A smart baby!

Topic: Adjectives

Be interested in other people!



A cartoon illustration of a girl with brown hair tied in a ponytail with a pink bow. She has a pink flower on her cheek and is wearing a pink dress with a yellow collar and blue buttons. The background is light blue and white.

UNIT 12

CONTENTS

01

[Song & Story](#)

02

[Words Zone](#)

03

[Grammar Box](#)

04

[Phonics Corner](#)

05

[Quiz](#)

Click on the part you need to review



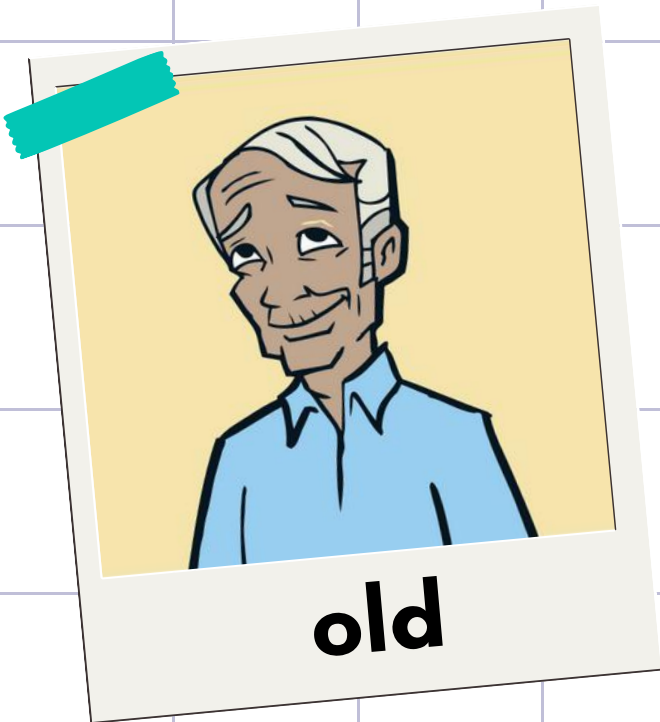
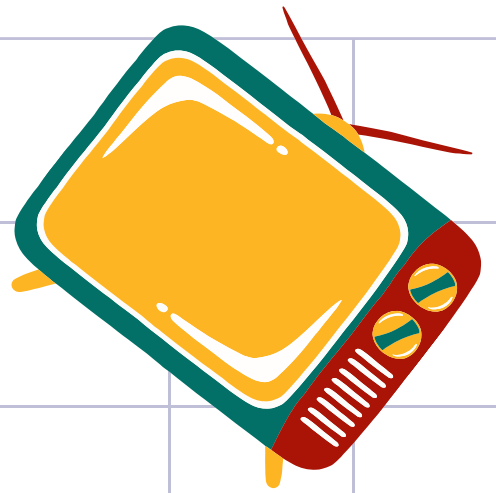
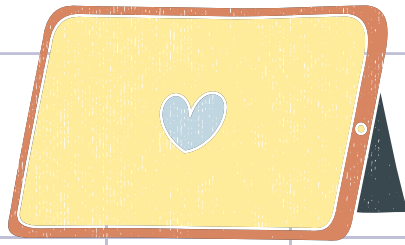
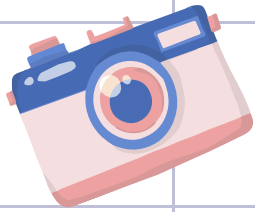
LET'S SING A SONG!



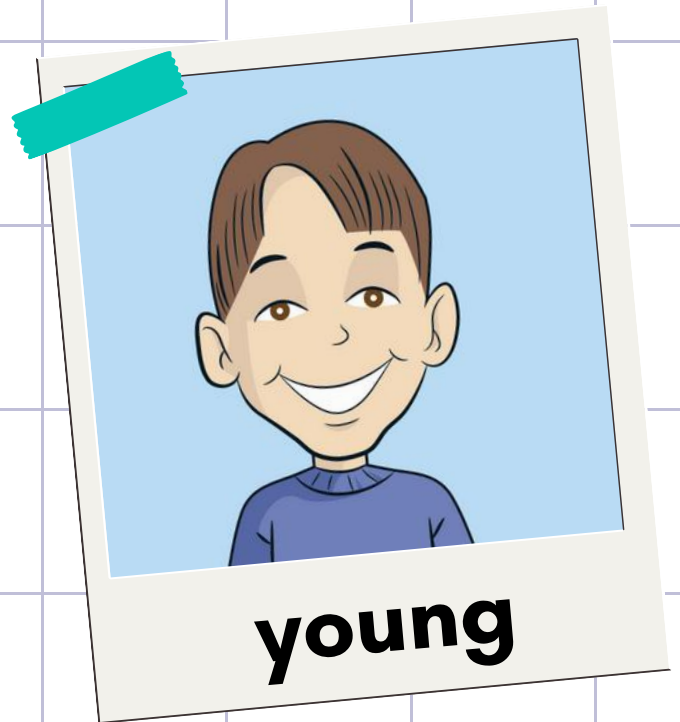
STORY TIME!



A SMART BABY!



old



young



handsome

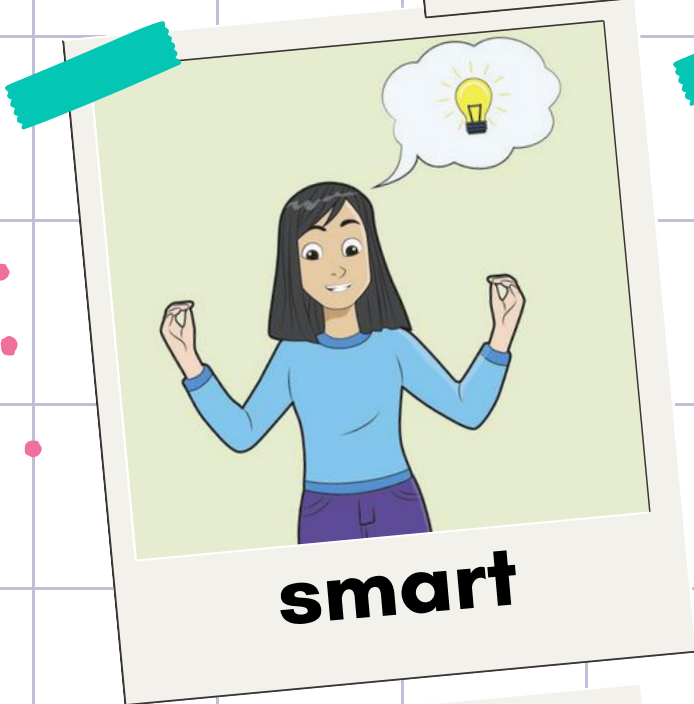


pretty

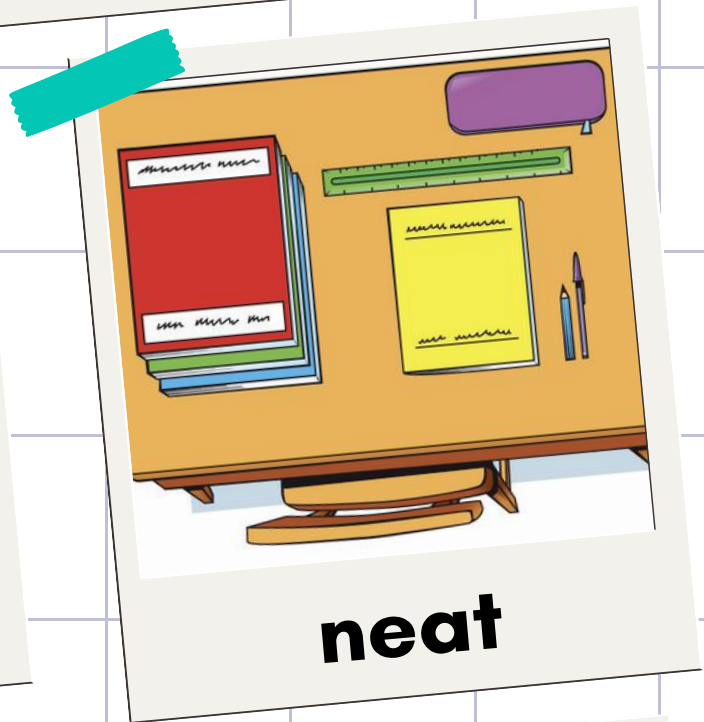




cute



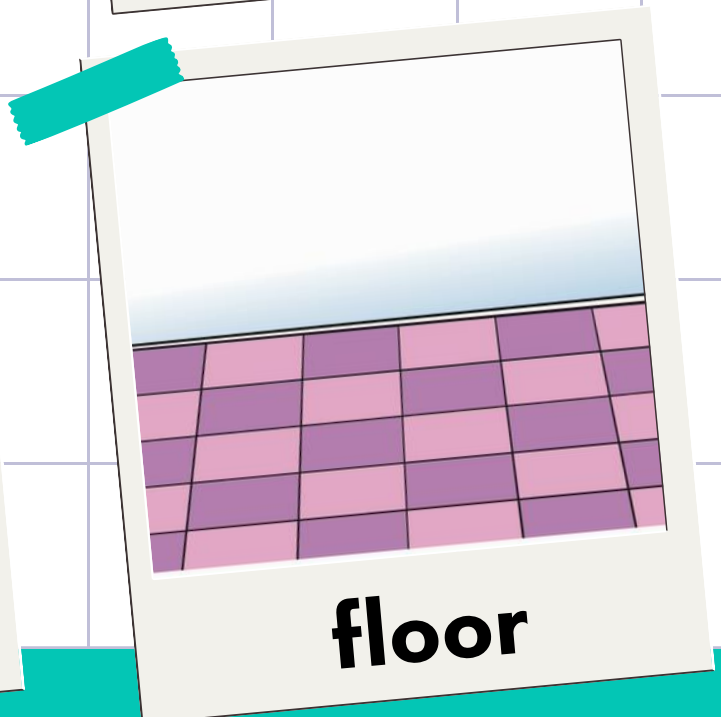
smart



neat



messy



floor

GRAMMAR BOX



was/ wasn't
were/ weren't

"Was/wasn't" dùng cho I, he, she, it (chủ ngữ số ít) trong quá khứ.

"Were/weren't" dùng cho you, we, they (chủ ngữ số nhiều) trong quá khứ.

I / He / She / It

He **was** handsome then.

His hair **wasn't** white.

You / We / They

They **were** very young.

We **weren't** all different.

EXAMPLES



They **were** at a café yesterday.
They **weren't** at school.



Nam **was** at a party last weekend.
He **wasn't** at home.

PHONICS Corner



eat



dream



queen



green



sleep



spoon



Listen and chant. 

I go to sleep and I
Dream, dream, dream.
I have a green spoon to eat
Ice cream, cream, cream.
I am the queen in my
Dream, dream, dream.





QUIZ! time!

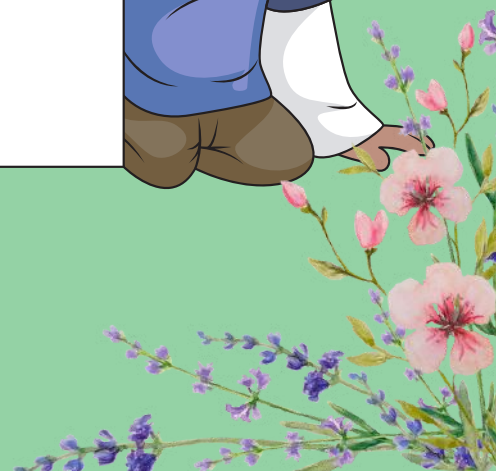


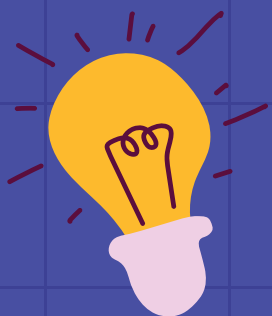


References

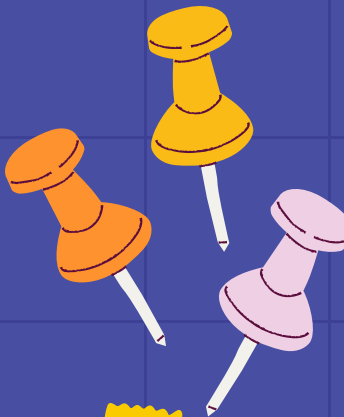


Family and Friends
_ National edition _ Grade 4 _
Student Book
Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên)
Trương Văn Ảnh
[*https://phuongnamedu.vn/*](https://phuongnamedu.vn/)





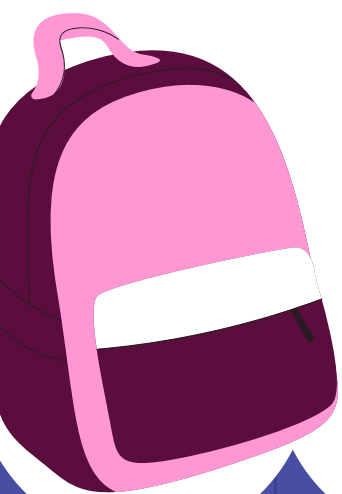
PRIVATE NOTE



It's a Secret!

*Develop a passion for learning. If you do, you
will never cease to grow.*
— Anthony J. D'Angelo

*Phát triển niềm đam mê học hỏi. Nếu bạn làm
vậy, bạn sẽ không bao giờ ngừng phát triển.*
— Anthony J. D'Angelo



PEOPLE'S COMMITTEE OF DISTRICT 7 LÊ VĂN TÁM PRIMARY SCHOOL



English Team